TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2019/QĐST – HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 24 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật HN&GĐ năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 132/2019/TLST – HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Trịnh Minh T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: xóm C, thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Q.

+ Chị Nguyễn Thị Ái H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm 5, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Minh T và chị Nguyễn Thị Ái H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 17/7/2015 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ anh T. Quá trình sống chung giữa anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn với lý do không thống nhất về việc nơi ăn chốn ở của vợ chồng, chị H muốn ra ngoài ở riêng nhưng anh T không chịu, anh muốn sống chung với cha mẹ anh. Từ đó vợ chồng đã xảy ra cãi vã và xô sát nhau nhiều lần làm ảnh hưởng nhiều người. Thời gian mâu thuẫn kéo dài nên hai bên quyết định sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay, chị H dẫn con về sống

với cha mẹ chị ở xã B, anh T sống với cha mẹ anh. Thời gian sống ly thân để hai bên nhìn nhận lại mình và tìm cách hàn gắn vợ chồng. Tuy nhiên vợ chồng anh T, chị H không thể hàn gắn và đến nay hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để giải thoát cho đôi bên.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2]. Về con chung: Giữa anh T và chị H có một con chung là Trịnh Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 22/11/2015, hai bên thỏa thuận giao con cho chị H nuôi, hiện nay chị H làm nghề tóc tại địa phương, anh T làm nghề lái xe đường dài. Sự thỏa thuận nuôi con của anh, chị nhằm tạo điều kiện cho cháu Th được chăm sóc đảm bản sự phát triển về mọi mặt thể chất và tinh thần nên Tòa án công nhận thỏa thuận nuôi con của anh T và chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung: Không có

[4]. Về nợ chung: không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Minh T và chị Nguyễn Thị Ái H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trịnh Minh T và chị Nguyễn Thị Ái H thống nhất có một con chung là Trịnh Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 22/11/2015.

Anh Trịnh Minh T và chị Nguyễn Thị Ái H thỏa thuận giao cháu Trịnh Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 22/11/2015 cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu.

Anh Trịnh Minh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Trịnh Minh T và chị Nguyễn Thị Ái H có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh T, chị H đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002683, ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q nên được khấu trừ xong.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND, THA huyện B;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trịnh Văn Thuận